TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 13-02-2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thế Vịnh

2. Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà H Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST-DSST ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Bến Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1966. Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Bến Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Ông S vắng mặt, bà N có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S do bà Đỗ Thị N là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 14/01/2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H có hỏi vay ông, bà 100.000.000 đồng để lo việc gia đình. Do mối quan hệ là cô cháu họ nên ông, bà đồng ý cho vay, bà H trực tiếp viết giấy vay tiền, trong giấy không ghi lãi suất và thời hạn trả nhưng có thoả thuận bên ngoài lãi suất 01%/01 tháng, khi nào ông, bà đòi thì bên vay phải thu xếp trả ngay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà H, ông H đã trả lãi nhiều lần, chính xác trả bao nhiêu thì không xác định được, còn nợ lại tiền lãi là 13.000.000 đồng tính đến hết tháng 12/2022. Trước khi khởi kiện ra Toà án, ông, bà đã yêu cầu vợ chồng bà H, ông H trả nợ gốc và tiền lãi nhiều lần nhưng bà H, ông H chỉ khất không trả.

Nay ông, bà yêu cầu buộc vợ chồng bà H, ông H cùng có trách nhiệm trả cho ông, bà tổng số tiền 113.000.000 đồng gồm 100.000.000 đồng tiền gốc, 13.000.000 đồng tiền lãi tính đến hết tháng 12/2022, yêu cầu tính lãi 01%/01 tháng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Đỗ Thị N là cô họ của vợ chồng ông, bà. Vào năm 2019, ông, bà có vay của bà N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, mục đích vay để dùng vào việc gia đình, kinh doanh. Hai bên có lập giấy vay ghi ngày 14/01/2019, giấy là do bà viết. Khi vay hai bên không ghi trong giấy vay về thời hạn trả tiền và lãi suất nhưng có thỏa thuận bằng miệng với nhau về thời hạn trả tiền là khi nào bà N đòi tiền thì vợ chồng ông, bà trả và lãi suất là 01%/ 01 tháng.

Thời gian sau, vợ chồng ông, bà đã thanh toán tiền lãi cho vợ chồng bà N đến hết năm 2020. Tiền lãi năm 2021, ông, bà đã thanh toán được một ít nhưng không nhớ là bao nhiêu. Nay ông, bà xác định còn nợ tiền lãi kể từ năm 2021 đến hết tháng 12/2022 là 13.000.000 đồng. Do đó, ông, bà xác định còn nợ vợ chồng bà N tổng số tiền 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) gồm 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, và tiền lãi tính đến hết tháng 12/2022 là 13.000.000 đồng.

Do khó khăn nên ông, bà đề nghị được trả nợ dần, nếu vợ chồng bà N không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ là: Lấy lời khai của các đương sự để làm rõ các tình tiết của vụ án. Ngày 12/122022, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, kết quả các đương sự hoà giải, thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ngày 19/12/2022, nguyên đơn bà Đỗ Thị N thay đổi ý kiến, không đồng ý với kết quả hoà giải tHnh, đề nghị đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) buộc vợ chồng bà H, ông H phải trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi chậm thi Hnh án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn S: Đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến Hnh tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị N, ông Phạm Văn S số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo thoả thuận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hnh án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất thoả thuận 01%/01 tháng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đỗ Thị N số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp.

Quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền đã vay cho bà và chồng là ông Phạm Văn S. Tranh chấp giữa bà N, ông S với bà H, ông H là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N khởi kiện đòi tiền cho vay theo giấy biên nhận vay nợ. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3]. Về sự vắng mặt tại phiên toà của đương sự: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà, ông Phạm Văn S vắng mặt tại phiên toà có người đại diện tham gia phiên toà. HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4]. Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đến ngày xét xử, tính lãi

chậm thi Hnh án. Xét thấy việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 BLTTDS, HĐXX chấy nhận việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn.

Về nội dung: Yêu cầu của đương sự

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đề nghị buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải trả nợ gốc, tiền lãi:

HĐXX thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, các đương sự bà N, bà H và ông H đều trình bày: Ngày 14/01/2019, vợ chồng bà H, ông H có vay số tiền 100.000.000 đồng của vợ chồng bà N, ông S; mục đích vay tiền để sử dụng vào việc gia đình; giấy vay tiền do bà H viết; trong giấy vay không thoả thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng hai bên thoả thuận bên ngoài khi nào vợ chồng bà N đòi thì vợ chồng bà H sẽ thu xếp trả ngay, lãi suất là 01%/01 tháng. Vợ chồng bà H, ông H còn nợ vợ chồng bà N, ông S tổng số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi tính đến hết tháng 12/2022. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, Giấy nhận nợ (vay tiền) ngày 14/01/2019 có nội rõ ràng, hình thức phù hợp với quy định hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do vợ chồng bà H, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng với mục đích dùng vào việc gia đình, được vợ chồng bà H, ông H thừa nhận nên bà N yêu cầu buộc vợ chồng bà H, ông H cùng có trách nhiệm liên đới phải trả số tiền gốc còn nợ 100.000.000 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tiền lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận có thoả thuận lãi 01%/01 tháng và thống nhất vợ chồng bà H, ông H còn nợ tiền lãi 13.000.000 đồng tính đến hết tháng 12/2022. HĐXX thấy: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, bà N yêu cầu vợ chồng bà H, ông H phải trả tiền lãi tính đến hết tháng 12/2022 là 13.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử theo lãi suất 01%/01 tháng là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi vợ chồng bà H, ông H phải trả cho vợ chồng bà N, ông S là: 13.000.000 đồng + (01 tháng 13 ngày * 100.000.000 đồng * 01%/01 tháng) = 13.000.000 đồng + 1.430.000 đồng = 14.430.000 đồng.

Ngoài ra, bà N yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận 01%/01 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày bà H, ông H thực tế thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Đỗ Thị N, ông Phạm Văn S tổng số tiền 114.430.000đ (một trăm mười bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) gồm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và 14.430.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 13/02/2023 cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 01%/tháng.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.721.500đ (năm triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Đỗ Thị N 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000920 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- THADS huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Mai Lan

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11A/2023/QĐ-SCBSBA	*Lạng Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do sai sót khi đánh máy trong bản án số 05/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Bến Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1966. Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Bến Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang như sau:

Tại phần trích yếu của bản án ghi: "*Ngày: 13 – 02 -2022*".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "*Ngày: 13 – 02 -2023*".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Mai Lan

thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mai Lan